TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020
V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên;
2. Bà Trương Thị Thìn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 1552/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/7/2020 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2020/QĐXX-ST ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Q**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 5, Khu phố Th.B, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Ngô Quốc S**, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 1, Khu phố R, phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 10/7/2020,

nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà và ông Ngô Quốc S chung sống tự nguyện từ năm 2011 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Nay bà đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông S là vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Lê Mạnh Q, sinh ngày 02/10/2013 và Ngô Song Nh sinh ngày 03/3/2016. Bà xin nuôi cháu Nh, giao cháu Q cho ông S nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà Q đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 10/7/2020, bị đơn ông Ngô Quốc S trình bày: Ông và bà Q chung sống không có đăng ký kết hôn. Do đó việc bà Q nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận bà Q và ông là vợ chồng thì ông không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

- Về con chung: ông và bà Q có 02 con chung là Lê Mạnh Q, sinh ngày 02/10/2013 và Ngô Song Nh sinh ngày 03/3/2016. Nay ông xin nuôi cháu Q, giao cháu Nh cho bà Q nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, ông S đề nghị được vắng mặt khi xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung với ông Ngô Quốc S. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà Q là nguyên đơn, ông S là bị đơn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được

xác định là "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Ngô Quốc S có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường P, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Lê Thị Q và ông Ngô Quốc S có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

- Về việc không tham gia của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: trong vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó vụ án thuộc trường hợp không có sự tham gia của Viện Kiểm sát.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Lê Thị Q và ông Ngô Quốc S chung sống tự nguyện từ năm 2011 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông S không có giá trị pháp lý nên không được công nhận.

- Về con chung: bà Q và ông S xác định có 02 con chung là Lê Mạnh Q, sinh ngày 02/10/2013 và Ngô Song Nh sinh ngày 03/3/2016. Ông S và bà Q thỏa thuận giao cháu Q cho ông S, giao cháu Nh cho bà Q nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con. Do thỏa thuận của bà Q, ông S là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con nên được xem xét, chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông S khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Q phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7,8 Điều 28, 35, 39, Khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Q đối với ông Ngô Quốc S về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Q và ông Ngô Quốc S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung của bà Q và ông S là Lê Mạnh Q, sinh ngày 02/10/2013 cho ông S nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Song Nh sinh ngày 03/3/2016 cho bà Q nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con.

Ông S và bà Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q và ông S khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Q đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009600 ngày 29/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà Q đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Lê Thị Q, ông Ngô Quốc S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Huệ